TIẾT 1+ 2: TIẾNG VIỆT

**BÀI 59: ang ăng âng**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Nhận biết và đọc đúng các vần ang, ăng, âng; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có vần

ang, ăng, âng. Hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

Viết đúng vần ang, ăng, âng; viết đúng các tiếng, từ ngữ có vần ang, ăng, âng. Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa vần ang, ăng, âng có trong bài học.

- Định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất:

+ Năng lực: Phát triển kỹ năng nói theo chủ điểm về thiên nhiên.

- Phát triển kỹ năng, quan sát, nhận biết các chi tiết trong tranh về cảnh vật thiên nhiên và tranh về hoạt động của loài vật.

+ Phẩm chất: Nhân ái, trách nhiệm (Yêu cảnh đẹp thiên nhiên)

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Bộ thực hành Tiếng Việt, chữ mẫu**: ang ăng âng**

- HS: Bộ thực hành Tiếng Việt.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU**

**1.Hoạt động Mở đầu**

- HS đọc bài 58, GV nhận xét, giới thiệu bài mới

**2. Nhận biết**

- HS quan sát tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

+ Em thấy gì trong tranh ? (Vẽ cây tre)

- GV nhận xét và nêu nội dung của bức tranh

- HS đọc theo giáo viên câu cuối bức tranh và nhận biết tiếng có vần ang, ăng, âng : Vầng trăng sang lấp ló sau rặng tre.

- GV nhận xét giới thiệu bài 59

**3. Đọc**

*a. Đọc vần: ang, ăng, âng*.

- Nhận diện vần:

+ GV giới thiệu vần: ang, ăng, âng.

+ HS so sánh điểm giống và khác nhau của vần ang, ăng, âng.

Giống kết thúc bằng ng; khác ở a, ă, â

- Đánh vần: a- ng ang, ă- ng – ăng , â- ng – ăng .

+ HS ghép các vầnang, ăng, âng và bảng cài*.*

+ HS nghe GV đánh vần mẫu

+ HS nối tiếp nhau đánh vần , đọc trơn các vần: CN, N2, L

+ HS nối tiếp nhau đọc trơn vần

*b. Đọc tiếng*

- Đọc tiếng mẫu:

+ HS ghép tiếng “sáng” vào bảng cài.

+ HS đánh vần:. sờ - ang – sang – sắc – sáng

+ HS đánh vần, đọc trơn : CN, N2, L

- Đọc tiếng trong SHS

+ Giáo viên ghi bảng, HS đọc thầm:làng, rạng, bằng, rặng, hẫng…

+ HS đánh vần, đọc trơn tiếng

- Ghép chữ cái tạo tiếng:

+ HS ghép các tiếng chứa vần ang, ăng, âng.

+ HS đọc các tiếng vừa ghép.

**c. Đọc từ ngữ**

- HS quan sát tranh sgk

- GV ghi bảng các từ mới:cá vàng, măng tre, nhà tầng.

- HS đọc thầm các từ mới.

- HS lên bảng gạch chân tiếng có vần: ang, ăng, âng vừa học.

- HS phân tích, đánh vần, đọc trơn tiếng mới.

- HS theo dõi giáo viên giải nghĩa từ mới.

- HS luyện đọc từ CN, ĐT.

**d. Đọc lại các tiếng từ ngữ**

- HS đọc bài ở sgk CN, N2, ĐT

- HS nhận xét bài của bạn và được GV nhận xét.

**4. Viết bảng con**

- HS quan sát GV đưa mẫu chữ ghi vần: ang, ăng, âng.

- Nêu quy trình viết

- Nhận xét độ cao, chiều rộng chữ

- HS theo dõi giáo viên viết và hướng dẫn mẫu: ang, ăng, âng, măng, tầng.

- HS luyện viết bảng con.

- HS nhận xét bài của bạn và được GV nhận xét.

**Tiết 2**

**5. Viết vở**

**-** Nêu nội dung bài viết?

Viết ang, ăng, âng, măng tre, nhà tầng.

**-** Nêu tư thế viết

- HS viết bài 59 trong vở Tập viết tập dưới sự hướng dẫn của GV

- HS nghe GV nhận xét, tuyên dương

**6. Đọc câu.**

- HS quan sát tranh trong sách giáo khoa và trả lời câu hỏi:

+ Em thấy gì trong tranh ?

- GV đọc mẫu cả đoạn.

- HS đọc thầm tìm tiếng có các vần:ang, ăng, âng*.*

-HS đọc trơn các tiếng mới

- HS đọc nối tiếp câu. CN, N2, L

- HS đọc đồng thanh cả đoạn

- HS trả lời các câu hỏi:

+ Bài thơ nói về nhân vật nào? Đang làm gì?

+ Bài thơ nói về con mèo đang đi học.

+ Thời tiết được miêu tả như thế nào?

+ Thời tiết được miêu tả rất nóng.

+ Khi đi học, mèo con mang theo cái gì?

+ Khi đi học, mèo con mang theo bánh mì.

**7. Nói theo tranh**

- HS quan sát tranh trong SGK và trả lời câu hỏi.

+ Hai bức tranh vẽ gì?

Tranh vẽ mặt trăng, tranh mặt trời.

+ Tranh nào vẽ mặt trăng? tranh nào vẽ mặt trời?

+ Tranh1 vẽ mặt trăng, tranh2 mặt trời.

+ Em thấy mặt trời xuất hiện khi nào?

+ Em thấy mặt trăng xuất hiện khi nào?

**8. Hoạt động Vận dụng, trải nghiệm**

- Tìm tiếng chứa vần ang, ăng, âng và đặt câu với các từ ngữ tìm được.

- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.

- Nhắc nhở học sinh học bài và chuẩn bị bài sau.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC**